

Bản án số: **10/2020/HC-PT**

Ngày: 06 - 11 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 228/2020/TLPT-HC ngày 24/8/2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2020/QĐ-PT ngày 19/10/2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Trương Thị C - sinh năm 1942. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thành Đ1, sinh năm 1961 (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019). Địa chỉ: Khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Yên (Giấy ủy quyền số 284/GUQ-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND huyện P); có đơn xin vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th - Trưởng phòng. Vắng mặt.

2. Trung Tâm phát triển quỹ đất huyện P, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3. Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện P, tỉnh Phú Yên (viết tắt BQL). Địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn S - Phó Giám đốc Ban quản lý (Giấy ủy quyền ngày 10/3/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Lê Thành Đ1, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu vực 8, phường B, TP.Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

5. Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Phú Ân, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

6/ Bà Lê Thị Đ3, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

7. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 266 đường Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

8. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn ĐP, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

9. Bà Lê Thị Đoàn Tr, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu vực 8, phường B, TP.Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

10. Ông Lê Văn Đ4, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 206 đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

11. Ông Lê Văn C1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

12. Bà Lê Thị Hồng Ph, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 15/6 đường Lương Văn Chánh, phường 4, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà M, ông T2, bà L, bà Tr, ông Đ4, ông C1, bà Ph và bà Đ3): Ông Lê Thành Đ1 (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019); có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện - bà Trương Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2019, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Ngày 09/6/2018 ông Lê Thành Đ1 là người đại diện gia đình bà Trương Thị C gửi đơn kiến nghị đến Chủ tịch UBND huyện P xem xét, giải quyết cho gia đình bà mua 01 lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư thôn ĐP, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo thỏa thuận trong biên bản làm việc ngày 13/8/2008 giữa ông Lê Thành Đ1 là đại diện gia đình của bà C với Chủ tịch UBND huyện P. Nội dung thỏa thuận: “Ông Đ1 thống nhất khoản tiền bồi thường đền bù nhưng kiến nghị với UBND lại 01 lô đất trong khu quy hoạch công trình

hạ tầng ĐP, xã H theo giá sàn. Chủ tịch UBND huyện thống nhất theo như kiến nghị của ông Đ1”.

Do không nhận được văn bản giải quyết của Chủ tịch UBND huyện P đối với kiến nghị của gia đình bà nên ngày 31/7/2018 gia đình bà gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ra Văn bản số 4392/UBND-NC ngày 07/8/2018 yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P giải quyết đơn theo quy định pháp luật, có văn bản trả lời công dân và báo cáo kết quả UBND tỉnh.

Tháng 10 năm 2018 ông Đ1 trực tiếp đến UBND huyện hỏi rõ sự việc thì UBND huyện giao Văn bản số 747/UBND ngày 06/7/2018 “về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân” có nội dung: “...sau khi UBND huyện thống nhất cho ông Đ1 mua lại lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn ĐP, xã H theo giá sàn do ông không tiếp tục hoàn tất các thủ tục theo quy định tại thời điểm dự án hoàn thành nên đến nay qua gần 10 năm, chính sách đất đai đã thay đổi và hơn nữa biên bản thỏa thuận thời điểm năm 2008 nay không đủ cơ sở để giải quyết”.

Không đồng ý nội dung Văn bản số 747/UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện P, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết: Hủy Văn bản số 747/UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện P; buộc UBND huyện P phải thực hiện nội dung đã thỏa thuận ngày 13/8/2008 bán cho gia đình bà C 01 lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn ĐP, xã H theo giá sàn hoặc cho phép gia đình bà hoàn trả lại số tiền đền bù của UBND huyện, đồng thời UBND huyện phải trả lại diện tích đất nông nghiệp để gia đình bà tiếp tục sản xuất.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P trình bày:

Năm 2008, UBND huyện P thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thi công công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ĐP, xã H, gia đình bà Trương Thị C đã nhận đủ tiền đền bù về đất nông nghiệp theo quy định. Hiện nay Luật đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật liên cấp đất ở cho hộ nghèo và hộ không thuộc diện chính sách nhưng không có nhà ở) nên việc gia đình bà có đơn đề nghị UBND huyện giải quyết cho gia đình bà mua lại 01 lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn ĐP, xã H theo giá sàn là không thể giải quyết. Vì không đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P thống nhất trình bày:

Hiện tại quỹ đất ở của dự án đã bán hết, phần diện tích đất còn lại của dự án là đất quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng. Thống nhất ý kiến của đại diện UBND huyện P, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C.

Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện P trình bày tại Văn bản số 28/BQL ngày 17/3/2020 và Văn bản số 56/BQL ngày 11/5/2020:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chỉ thực hiện chức năng lập dự án và triển khai thi công dự án. Việc đền bù, giải phóng mặt bằng thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban đền bù (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất). Nên BQL không liên quan đến khởi kiện của bà Trương Thị C.

Ông Lê Thành Đ1 đồng thời đại diện cho bà Lê Thị M, ông Lê Văn T2, bà Lê Thị Kim L, bà Lê Thị Đoan Tr, ông Lê Văn Đ4, ông Lê Văn C1, bà Lê Thị Hồng Ph và bà Lê Thị Đ3 thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C về việc: Hủy Văn bản số 747/UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân; buộc UBND huyện P thực hiện nội dung đã thỏa thuận ngày 13/8/2008 bán cho gia đình bà Trương Thị C một lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn ĐP, xã H, huyện P theo giá sàn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03-8-2020, bà Trương Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị C. Giữ nguyên Bản án số 14/2020/HC-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện là Văn bản số 747/UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện P “về việc giải quyết khiếu nại của công dân” và Yêu cầu thực hiện nội dung thỏa thuận ngày 13/8/2008 giữa Ủy ban nhân dân huyện với hộ gia đình bà Trương Thị C. Không đồng ý với giải quyết khiếu nại, bà Trương Thị C làm đơn khởi kiện ngày 14-6-2019 nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Trương Thị C: Ngày 07/11/2002, UBND huyện P giao quyền sử dụng đất cho ông Lê Phước, bà Trương Thị C diện tích 3.040m² đất nông nghiệp để quản lý, sử dụng. Sau khi ông Lê Phước chết, bà Trương Thị C quản lý, sử dụng đất, rồi tặng cho ông Lê Thành Đ1. Ông Đ1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 790120 đối với 3.040m² đất tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện P tiến hành thu hồi đất theo quy hoạch để xây dựng Khu tái định cư thôn ĐP, xã H trong đó có diện tích 3.040m² của hộ bà C, loại đất nông nghiệp số thửa 36, 36a tờ bản đồ 303A và được đền bù giá trị theo loại đất đã thu hồi tổng cộng 185.400.000 đồng. Hộ ông Phước thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ, nhận tiền và cam đoan giải phóng mặt bằng thi công. Tại Biên bản làm việc ngày 13/8/2008 giữa đại diện Ủy ban nhân dân huyện P và ông Đ1 thỏa thuận về việc giải quyết phần diện tích đất nông nghiệp bị ảnh hưởng công trình, thể hiện: *“Ông Đ1 thống nhất nhận khoản tiền bồi thường, nhưng kiến nghị UBND huyện là cho ông Đ1 mua lại một lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực thôn ĐP, xã H theo giá sàn. Chủ tịch UBND huyện thống nhất theo như kiến nghị của ông Đ1”*. Như vậy, Biên bản thể hiện có chữ ký của các đại diện Ủy ban nhân dân, Ban quản lý dự án, Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P và ông Lê Thành Đ1 (đại diện hộ bà C) ký tên và xác nhận các cơ quan trên. Tuy nhiên, nội dung kiến nghị của ông Đ1 và “lời hứa” của đại diện Ủy ban nhân dân huyện P không phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2003, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, không đúng nội dung Thông báo số 441/TB-UBND ngày 11/7/2007 của UBND tỉnh Phú Yên về việc cho phép lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực thôn ĐP, xã H, P, Phú Yên (thuộc đồ án QHCT 1/2000 dọc 2 bên Quốc lộ 25 đoạn từ cầu Trần Hưng Đạo đến tuyến tránh QL1A mới) và tại mục 8 Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của Ủy ban nhân dân huyện P thuộc đồ án QHCT hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực thôn ĐP, xã H, huyện P quy định tất cả các loại đất ở đều thông qua bán đấu giá, không có trường hợp bán giá sàn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đề nghị hủy Văn bản số 747/UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về trả lời đơn khiếu nại của công dân là đúng quy định pháp luật.

Song, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà Trương Thị C khi bị thu hồi diện tích 3.040m² đất nông nghiệp thực hiện dự án QHCT hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực thôn ĐP là rất lớn. Mặt khác, bà Trương Thị C hiện nay không có đất ở. Do đó, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P giao 01 lô đất vị trí thuận lợi cho bà Trương Thị C, có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị C. Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Trương Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị C. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. **Xử:**

Áp dụng Điều 38; Điều 39; Điều 42 và Điều 44 Luật đất đai năm 2003.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C yêu cầu hủy Văn bản số 747/UBND ngày 06-7-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân; buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện nội dung đã thỏa thuận ngày 13-8-2008 bán cho gia đình bà Trương Thị C một lô đất trong khu quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn ĐP, xã H, huyện P theo giá sàn.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên giao 01 lô đất vị trí thuận lợi cho bà Trương Thị C, có thu tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trương Thị C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06 - 11 - 2020./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu